| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 11 – 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Dũng Phương.**
2. Ông **Trịnh Ngọc Thành.**

***Thư ký phiên tòa***: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa***: Bà **Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy N – sinh năm: 1985.
HKTT: Số nhà 469, Tổ 13, Ấp C, xã ATĐ, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn P – sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Tổ 19, Khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện tại: Tổ 4, Ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
*(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N trình bày:*

Chị và anh Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và được UBND thị trấn Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham chơi bời, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần

phai nhạt. Từ tháng 3/2019 đến nay, chị và anh P sống ly thân nhau. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K – sinh ngày: 27/6/2013.

Từ khi chị và anh P sống ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019, bị đơn anh Lê Văn P trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thùy N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và được UBND thị trấn Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K – sinh ngày: 27/6/2013. Từ khi anh và chị N sống ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị N.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị N phải tạo điều kiện cho anh qua lại, chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị N (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị N (bản sao); Đơn xin xác nhận hộ khẩu (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai đối với anh Lê Văn P, Biên bản xác minh đối với ông Lâm Bá C. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị N và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị Nguyễn Thùy N được ly hôn với anh Lê Văn P.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K – sinh ngày: 27/6/2013 cho chị Nguyễn Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thùy N phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Lê Văn P. Anh P đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thùy N và anh Lê Văn P là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị N và anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú vào ngày 19/01/2013. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh P thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N yêu cầu ly hôn do anh P ham chơi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh P cũng đồng ý ly hôn và thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân nhau. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 28).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị N có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị N là cho chị được ly hôn với anh P là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K – sinh ngày: 27/6/2013.

Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P cũng đồng ý về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị N.

Xét thấy bản thân chị N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị N và anh P sống ly thân đến nay, cháu K sống cùng chị N. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thùy N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy N.

Cho chị Nguyễn Thùy N được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiên K – sinh ngày: 27/6/2013.

Giao cháu Lê Nguyễn Thiên K cho chị Nguyễn Thùy N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008035 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Chị N và anh P có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND thị trấn TP: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 16, cấp ngày 19/01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**